Số: 1596/QĐ-BVLPQN
Thời gian ký: 2026-11-16T08:38:28+07:00

BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI QUY NHƠN

DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH MUA BẢO HIỂM CHÁY NỔ BẮT BUỘC 2026 - 2027

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
1	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN18	2017	2017	Khoa Bệnh phổi	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
2	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN19	2017	2017	Khoa Bệnh phổi	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
3	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN8	2017	2017	Khoa Bệnh phổi	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
4	Máy hút dịch (hút đờm nhớt) NIHOPHAWA (NSNN-KTC; 11/2024)	MAYHUT_11	2024	2024	Khoa Bệnh phổi	1	18.000.000	13.500.000	13.500.000	
5	Máy hút dịch (hút đờm nhớt) NIHOPHAWA (NSNN-KTC; 11/2024)	MAYHUT_12	2024	2024	Khoa Bệnh phổi	1	18.000.000	13.500.000	13.500.000	
6	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT1	2017	2017	Khoa Bệnh phổi	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
7	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT10	2017	2017	Khoa Bệnh phổi	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
8	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT9	2017	2017	Khoa Bệnh phổi	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
9	Máy khí dung siêu âm Comfort 3000 KU 500 số seri 2310003 (NSNN-KTC)	MAYKHIDUNGSIEUAM_05	2023	2023	Khoa Bệnh phổi	1	15.000.000	9.375.000	9.375.000	
10	Máy khí dung siêu âm Comfort 3000 KU 500 số seri 2310004 (NSNN-KTC)	MAYKHIDUNGSIEUAM_06	2023	2023	Khoa Bệnh phổi	1	15.000.000	9.375.000	9.375.000	
11	Máy phun khử khuẩn buồng bệnh (máy phun sương khử khuẩn) OXYPHARM (NSNN-KTC;11/2024)	KHUKHUAN_02	2023	2024	Khoa Bệnh phổi	1	115.680.000	86.760.000	86.760.000	
12	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY1	2021	2021	Khoa Bệnh phổi	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
13	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY10	2021	2021	Khoa Bệnh phổi	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
14	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY9	2021	2021	Khoa Bệnh phổi	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
15	Monitoring theo dõi BN 5 thông số PVM-2701 Nihon Kohden (TPCP)	MONITORING4	2017	2017	Khoa Bệnh phổi	1	209.518.000	26.189.750	26.189.750	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
16	Nồi hấp tiệt trùng 100 lít NHKTD100 Seri 23NH89 (NSNN-KTC)	NOIHAP_9	2023	2023	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	85.000.000	53.125.000	53.125.000	
17	Tủ sấy dụng cụ HOT AIR OVEN (NSNN-KTC; 12/2024)	TUSAY_05		2024	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	43.000.000	32.250.000	32.250.000	
18	Hệ thống ô xy trung tâm (BVĐK tỉnh điều chuyển)	HETHONGOXY_TRUNGTAM		2021	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	554.787.000	180.305.775	180.305.775	
19	Máy điện tim 12 kênh BeneHeart R12 - Mindray (QTC)	DIENTIM8	2020	2021	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	37.312.191	15.857.681	15.857.681	
20	Máy đo thính lực DD450 (QTC)	DOTHINHLUC	2020	2021	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	93.349.053	39.673.347	39.673.347	
21	Máy hút dịch (hút đờm nhớt) NIHOPHAWA (NSNN-KTC; 11/2024)	MAYHUT_14	2024	2024	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	18.000.000	13.500.000	13.500.000	
22	Máy hút dịch (hút đờm nhớt) NIHOPHAWA (NSNN-KTC; 11/2024)	MAYHUT_15	2024	2024	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	18.000.000	13.500.000	13.500.000	
23	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT3	2017	2017	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
24	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT6	2017	2017	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
25	Máy khí dung siêu âm Comfort 3000 KU 500 số seri 2302036 (NSNN-KTC)	MAYKHIDUNGSIEUAM_03	2023	2023	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	15.000.000	9.375.000	9.375.000	
26	Máy khí dung siêu âm Comfort 3000 KU 500 số seri 2310002 (NSNN-KTC)	MAYKHIDUNGSIEUAM_04	2023	2023	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	15.000.000	9.375.000	9.375.000	
27	Máy phun khử khuẩn buồng bệnh (máy phun sương khử khuẩn) OXYPHARM (NSNN-KTC;11/2024)	KHUKHUAN_01	2023	2024	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	115.680.000	86.760.000	86.760.000	
28	Máy truyền dịch TERUFUSION (QTC)	TRUYENDICH_02	2023	2023	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	32.500.000	20.312.500	20.312.500	
29	Máy truyền dịch tự động PG-807i (NSNN-KTC)	TRUYENDICH_01	2023	2023	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	32.500.000	20.312.500	20.312.500	
30	Monitoring theo dõi BN 5 thông số PVM-2701 Nihon Kohden (TPCP)	MONITORING5	2017	2017	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	209.518.000	26.189.750	26.189.750	
31	Thiết bị đo thân nhiệt tự động từ xa tích hợp Camera kèm màn hình (QTC)	ĐOTHANNHIET	2021	2022	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	30.500.000	16.012.500	16.012.500	
32	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN11	2017	2017	Khoa Lao	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
33	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN12	2017	2017	Khoa Lao	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
34	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN13	2017	2017	Khoa Lao	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
35	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN9	2017	2017	Khoa Lao	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
36	Máy hút dịch (hút đờm nhớt) NIHOPHAWA (NSNN-KTC; 11/2024)	MAYHUT_13	2024	2024	Khoa Lao	1	18.000.000	13.500.000	13.500.000	
37	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT2	2017	2017	Khoa Lao	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
38	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT4	2017	2017	Khoa Lao	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
39	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT5	2017	2017	Khoa Lao	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
40	Máy khí dung siêu âm Comfort 3000 KU 500 số seri 2302034 (NSNN-KTC)	MAYKHIDUNGSIEUAM_01	2023	2023	Khoa Lao	1	15.000.000	9.375.000	9.375.000	
41	Máy khí dung siêu âm Comfort 3000 KU 500 số seri 2302035 (NSNN-KTC)	MAYKHIDUNGSIEUAM_02	2023	2023	Khoa Lao	1	15.000.000	9.375.000	9.375.000	
42	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY2	2021	2021	Khoa Lao	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
43	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY3	2021	2021	Khoa Lao	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
44	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY8	2021	2021	Khoa Lao	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
45	Bộ lưu điện cho máy GeneXpert PA-6000 _6KVA/5400W (QTC)	LUUDIEN1	2023	2023	Khoa Xét nghiệm	1	36.998.000	14.799.200	14.799.200	
46	Máy xét nghiệm nước tiểu CL50 Plus (NSNN-KTC;11/2024)	XNNUOCTIEU_3	2024	2024	Khoa Xét nghiệm	1	32.235.000	24.176.250	24.176.250	
47	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động Agappe (NSNN-KTC;11/2024)	SINHHOA_5	2023	2024	Khoa Xét nghiệm	1	415.800.000	311.850.000	311.850.000	
48	Đèn cực tím LIGHT PROGRESS (UV-UV lamp) (QTC)	DENCUCTIM_01	2023	2023	Khoa Xét nghiệm	1	25.635.964	16.022.477	16.022.477	
49	Kính hiển vi 2 mắt đèn led OLYMPUS CX23LEDRFS1 (QTC-2024)	HIENVI_132		2024	Khoa Xét nghiệm	1	37.950.000	28.462.500	28.462.500	
50	Kính hiển vi 2 mắt đèn led OLYMPUS CX23LEDRFS1 (QTC-2024)	HIENVI_133		2024	Khoa Xét nghiệm	1	37.950.000	28.462.500	28.462.500	
51	Máy định danh và đo tải lượng vi rus, vi khuẩn chủng loại: Gene Xpert GX-II-2-D-10C (QTC - 2024)	DINHDANHVK_02	2023	2024	Khoa Xét nghiệm	1	327.100.586	245.325.438	245.325.438	
52	Máy đo điện giải Elyte-plus seri E28225845 (NSNN-KTC)	MAYDODIENGIAI_01	2023	2023	Khoa Xét nghiệm	1	160.000.000	100.000.000	100.000.000	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
53	Máy nuôi cấy vi khuẩn lao BACTEC MGIT 960 + Bộ phụ kiện tiêu chuẩn + Máy in Lase + Bộ tích điện Santak (QTC)	NUOICAYVK	2017	2018	Khoa Xét nghiệm	1	1.450.000.000	181.250.000	181.250.000	
54	Máy phân tích huyết học tự động URIT-5160 (NSNN-KTC)	MAYHUYETHOC_4	2023	2023	Khoa Xét nghiệm	1	304.500.000	190.312.500	190.312.500	
55	Máy phân tích khí máu CL123-Hb (NSNN-KTC)	MAYPHANTICHKHIMAU_01	2023	2023	Khoa Xét nghiệm	1	255.000.000	159.375.000	159.375.000	
56	Nồi hấp tiệt trùng >=70 lít KITA-75NH, Seri NH7501 (NSNN-KTC)	NOIHAP_8	2023	2023	Khoa Xét nghiệm	1	60.000.000	37.500.000	37.500.000	
57	Tủ an toàn sinh học cấp 2 BIO II Advance Plus 4 ((NSTW)	TUSINHHOC_CAP2	2019	2019	Khoa Xét nghiệm	1	162.750.000	36.618.750	36.618.750	
58	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 16 lát cắt/vòng quay ACCESS CT kèm máy bơm thuốc cản quang (SYT)	CT SCAN	2019	2019	Khoa XQuang	1	10.164.000.000	2.286.900.000	2.286.900.000	
59	Hệ thống XQuang kỹ thuật số DR DM-6150 (Máy chính + Máy vi tính + Máy in ...) - ((NSTW))	XQUANG_KTSDR	2019	2019	Khoa XQuang	1	2.397.000.000	539.325.000	539.325.000	
60	Máy điện tim 6 kênh ECG-1250K NIHON KOHDEN (TPCP)	DIENTIM7	2017	2017	Khoa XQuang	1	67.487.000	8.435.875	8.435.875	
61	Máy đo chức năng hô hấp HI 801 CHEST (Nhật Bản) - (TPCP)	CHUCNANGHOHAP2	2017	2017	Khoa XQuang	1	193.259.000	24.157.375	24.157.375	
62	Máy phân tích chức năng hô hấp công nghệ sóng siêu âm toàn thân Vyntus BODY (NSNN-KTC - 12/2025)	CHUCNANGHOHAP_3	2024	2025	Khoa XQuang	1	1.450.000.000	1.268.750.000	1.268.750.000	
63	Máy siêu âm 4D Doppler màu HITACHI (Máy chính + máy vi tính + máy in + màn hình LCD (TPCP)	SIEUAM3	2017	2017	Khoa XQuang	1	1.225.510.000	153.188.750	153.188.750	
64	Máy Xquang di động kỹ thuật số xách tay PXP (QTC)	XQUANG_5	2023	2023	Khoa XQuang	1	595.000.000	371.875.000	371.875.000	
65	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN14	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
66	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN16	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
67	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN20	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
68	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN21	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
69	Bơm tiêm điện TE-SS700 TERUMO (TPCP)	TIEMDIEN22	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	33.693.000	4.211.625	4.211.625	
70	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU1	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	
71	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU10	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	
72	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU2	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
73	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU3	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	
74	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU4	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	
75	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU5	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	
76	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU6	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	
77	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU7	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	
78	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU8	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	
79	Giường cấp cứu HL-SK 152 Hanlim Hàn Quốc (TPCP)	GIUONGCAPCUU9	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	71.373.000	8.921.625	8.921.625	
80	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT7	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
81	Máy hút điện (hút dịch, khí màng phổi) CONSTANT 1400 Shin-Ei (Sanko) (TPCP)	MAYHUT8	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	20.911.000	2.613.875	2.613.875	
82	Máy phá rung tim TEC-5631 Nihon Kohden (TPCP)	PHARUNGTIM	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	224.549.000	28.068.625	28.068.625	
83	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY4	2021	2021	Phòng Cấp cứu	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
84	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY5	2021	2021	Phòng Cấp cứu	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
85	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY6	2021	2021	Phòng Cấp cứu	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
86	Máy tạo Oxy MEDRIS _ Model JY-102W (Công ty CP Tập đoàn Phương Trang) - SYT cấp	MAYTAO_OXY7	2021	2021	Phòng Cấp cứu	1	25.000.000	10.625.000	10.625.000	
87	Máy thở cho bệnh nhân (Xâm lấn, chăm sóc đặc biệt) Savina 300 - (QTC)	MAYTHO3	2020	2021	Phòng Cấp cứu	1	668.000.000	283.900.000	283.900.000	
88	Monitoring theo dõi BN 5 thông số PVM-2701 Nihon Kohden (TPCP)	MONITORING6	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	209.518.000	26.189.750	26.189.750	
89	Monitoring theo dõi BN 5 thông số PVM-2701 Nihon Kohden (TPCP)	MONITORING7	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	209.518.000	26.189.750	26.189.750	
90	Monitoring theo dõi BN 5 thông số PVM-2701 Nihon Kohden (TPCP)	MONITORING8	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	209.518.000	26.189.750	26.189.750	
91	Monitoring theo dõi BN 5 thông số PVM-2701 Nihon Kohden (TPCP)	MONITORING9	2017	2017	Phòng Cấp cứu	1	209.518.000	26.189.750	26.189.750	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
92	Câu lạc bộ bệnh nhân	CAULACBOBN		2016	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	2.345.302.293	1.502.418.269	1.502.418.269	
93	Khoa Cận lâm sàng	CANLAMSANG		2003	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	6.925.930.554	3.594.248.645	3.594.248.645	
94	Khoa điều trị bệnh nhân AIDS	KHOA-AIDS		1998	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	1.724.015.514	1.003.602.912	1.003.602.912	
95	Khoa Lao ngoài phổi	KHOAPHOI		2004	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	7.560.708.564	4.181.698.095	4.181.698.095	
96	Khoa Lao phổi	KHOALAO		2010	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	13.190.774.882	7.605.436.934	7.605.436.934	
97	Nhà bảo vệ	NHABAOVE		2015	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	213.253.210	132.829.112	132.829.112	
98	Nhà để rác	NHARAC		2015	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	158.240.000	89.498.430	89.498.430	
99	Nhà Khám - Hành chính	KHAM-HANHCHINH		2007	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	14.513.552.702	9.651.546.244	9.651.546.244	
100	Nhà tang lễ	NHATANGLE		2015	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	730.750.000	409.854.210	409.854.210	
101	Gara xe khách	GARAXE		2015	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	447.379.000	238.952.501	238.952.501	
102	Khoa Dinh dưỡng	DINHDUONG		2011	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	2.387.735.125	815.873.266	815.873.266	
103	Hành lang cầu	HANHLANG	2012	2012	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	1	4.134.746.658	268.706.326	268.706.326	
104	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH108	2023	2023	Phòng Quản trị mạng	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
105	Thiết bị Switch Access Số 1 (24 port) C1200-24T-4G (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchAccess01	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	12.000.000	9.600.000	9.600.000	
106	Thiết bị Switch Access Số 2 (24 port) C1200-24T-4G (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchAccess02	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	12.000.000	9.600.000	9.600.000	
107	Thiết bị Switch Access Số 3 (24 port) C1200-24T-4G (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchAccess03	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	12.000.000	9.600.000	9.600.000	
108	Thiết bị Switch Access Số 4 (24 port) C1200-24T-4G (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchAccess04	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	12.000.000	9.600.000	9.600.000	
109	Thiết bị Switch Access Số 5 (24 port) C1200-24T-4G (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchAccess05	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	12.000.000	9.600.000	9.600.000	
110	Thiết bị Switch Access Số 6 (24 port) C1200-24T-4G (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchAccess06	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	12.000.000	9.600.000	9.600.000	
111	Thiết bị Switch Access Số 7 (24 port) C1200-24T-4G (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchAccess07	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	12.000.000	9.600.000	9.600.000	
112	Thiết bị Switch Access Số 8 (24 port) C1200-24T-4G (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchAccess08	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	12.000.000	9.600.000	9.600.000	
113	Thiết bị Switch Access Số 9 (24 port) C1200-24T-4G (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchAccess09	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	12.000.000	9.600.000	9.600.000	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
114	Thiết bị Switch Core C9300-24T-A (NSNN-KTC 9/2025)	SwitchCore01	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	119.000.000	95.200.000	95.200.000	
115	Thiết bị tường lửa 120G Fortinet (NSNN-KTC 9/2025)	BUCTUONGLUA 01	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	207.000.000	165.600.000	165.600.000	
116	Thiết bị lưu điện UPS Maruson ULT-W3KGMS (NSNN-KTC 9/2025)	UPS04	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	20.000.000	16.000.000	16.000.000	
117	Máy tính chủ DELL PowerEdge R550 (BV Y học cổ truyền bàn giao -12/2024) _ Không tự chủ	MAYCHU_PMHI S_01	2024	2024	Phòng Quản trị mạng	1	238.765.000	143.259.000	143.259.000	
118	Thiết bị lưu trữ NAS TS-464-8G QNAP (NSNN-KTC 9/2025)	LUUTRU01	2025	2025	Phòng Quản trị mạng	1	22.000.000	17.600.000	17.600.000	
119	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_151	2025	2025	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
120	Máy vi tính FPT Elead T12400i (Quỹ PTHĐSN)	VITINH102	2022	2023	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
121	Máy tính xách tay Asus B1402CB (QTC)	LAPTOP2	2023	2023	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
122	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri 7S1WS44 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP17	2024	2025	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
123	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri HBPM344 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP18	2024	2025	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
124	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri HYVTS44 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP16	2024	2025	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
125	Máy chiếu đa năng KTS BenQ MS550 (QTC)	MAYCHIEU_01	2023	2023	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	10.500.000	4.200.000	4.200.000	
126	Thiết bị bức tường lửa FireWall FortiGate 80F	BUCTUONGLUA		2024	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	71.800.000	43.080.000	43.080.000	
127	Hệ thống camera phục vụ công tác điều trị bệnh nhân Covid-19 (Không tự chủ)	CAMERA2	2021	2021	Bộ phận Công nghệ thông tin	1	253.704.000	38.055.600	38.055.600	
128	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_142	2025	2025	Khoa Bệnh phổi	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
129	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_143	2025	2025	Khoa Bệnh phổi	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
130	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_144	2025	2025	Khoa Bệnh phổi	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
131	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_152	2025	2025	Khoa Bệnh phổi	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
132	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_117	2023	2024	Khoa Bệnh phổi	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
133	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_118	2023	2024	Khoa Bệnh phổi	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
134	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_119	2023	2024	Khoa Bệnh phổi	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
135	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri HQ1WS44 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP15	2024	2025	Khoa Bệnh phổi	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
136	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri 2XTWS44 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP4	2024	2025	Khoa Bệnh phổi	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
137	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri 36TL344 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP6	2024	2025	Khoa Bệnh phổi	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
138	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri GFYYP74 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP5	2024	2025	Khoa Bệnh phổi	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
139	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri JLVM344 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP7	2024	2025	Khoa Bệnh phổi	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
140	Điều hòa 1 chiều 2.0HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA22	2021	2023	Khoa Bệnh phổi	1	19.818.000	12.386.250	12.386.250	
141	Điều hòa 1 chiều 2.0HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA23	2021	2023	Khoa Bệnh phổi	1	19.818.000	12.386.250	12.386.250	
142	Điều hòa 1 chiều 2.0HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA24	2022	2023	Khoa Bệnh phổi	1	19.818.000	12.386.250	12.386.250	
143	Hệ thống chuông báo gọi nhân viên y tế (01 Màn hình FY -3003, 20 nút chuông FY-100) - (DV KCB)	CHUONGBAONVYT02	2019	2019	Khoa Bệnh phổi	1	16.500.000	2.062.500	2.062.500	
144	Hệ thống chuông báo gọi nhân viên y tế (01 Màn hình FY -3003, 20 nút chuông FY-100) - (DV KCB)	CHUONGBAONVYT03	2019	2019	Khoa Bệnh phổi	1	16.500.000	2.062.500	2.062.500	
145	Khoa Chống nhiễm khuẩn	KHOACNK		2012	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	4.004.734.102	2.282.673.252	2.282.673.252	
146	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_147	2025	2025	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
147	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH109	2023	2023	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
148	Máy vi tính FPT Elead T12400i (Quỹ PTHĐSN)	VITINH104	2022	2023	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
149	Máy giặt LG AI DD Inverter 16kg T2516DX5G (Nguồn HTBL - 12/2025)	MAYGIAT10	2025	2025	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	10.701.000	8.560.800	8.560.800	
150	Máy giặt LG Inverter 25 kg TX2725AT9G (Nguồn HTBL - 12/2025)	MAYGIAT09	2025	2025	Khoa Chống nhiễm khuẩn	1	18.690.000	14.952.000	14.952.000	
151	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_150	2025	2025	Khoa dược	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
152	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (DV KCB và NSNN - KTC; 10/2024)	VITIINH_133	2023	2024	Khoa dược	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
153	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (DV KCB; 10/2024)	VITIINH_132	2023	2024	Khoa dược	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
154	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH113	2023	2023	Khoa dược	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
155	Máy vi tính FPT Elead T12400i (Quỹ PTHĐSN)	VITINH99	2022	2023	Khoa dược	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
156	Máy điều hòa AQUA AQA-RV18QE (PTHĐSN - 04/2025)	DIEUHOA_35	2024	2025	Khoa dược	1	15.300.000	13.387.500	13.387.500	
157	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_149	2025	2025	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
158	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_128	2023	2024	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
159	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_129	2023	2024	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
160	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_130	2023	2024	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
161	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH110	2023	2023	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
162	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH111	2023	2023	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
163	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH112	2023	2023	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
164	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri 58VK344 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP9	2024	2025	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
165	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron Inspiron 3520, Seri 4JGL344(NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP8	2024	2025	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
166	KIOKS tiếp đón tự động thông minh AIOT (BIDV tài trợ - 12/2025)	KIOSK03	2025	2025	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	79.214.545	69.312.726	69.312.726	
167	KIOKS tiếp đón tự động thông minh AIOT (BIDV tài trợ - 12/2025)	KIOSK04	2025	2025	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	79.214.545	69.312.726	69.312.726	
168	KIOKS tiếp đón tự động thông minh ComQ (HDB tài trợ - 12/2025)	KIOSK01	2025	2025	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	79.214.545	69.312.726	69.312.726	
169	KIOKS tiếp đón tự động thông minh ComQ (HDB tài trợ - 12/2025)	KIOSK02	2025	2025	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	79.214.545	69.312.726	69.312.726	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
170	Quầy tiếp đón bệnh nhân (DV KCB)	QUAYTIEPDON1		2020	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	19.800.000	4.950.000	4.950.000	
171	Quầy tiếp đón bệnh nhân (DV KCB)	QUAYTIEPDON2		2020	Khoa Khám - Chỉ đạo tuyến	1	24.200.000	6.050.000	6.050.000	
172	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_138	2025	2025	Khoa Lao	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
173	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_139	2025	2025	Khoa Lao	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
174	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_120	2023	2024	Khoa Lao	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
175	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_121	2023	2024	Khoa Lao	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
176	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_122	2023	2024	Khoa Lao	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
177	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_123	2023	2024	Khoa Lao	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
178	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_124	2023	2024	Khoa Lao	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
179	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri 4NVK344 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP12	2024	2025	Khoa Lao	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
180	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri CHZL344 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP13	2024	2025	Khoa Lao	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
181	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri FFZL344 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP10	2024	2025	Khoa Lao	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
182	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri FJZL344 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP11	2024	2025	Khoa Lao	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
183	Bàn họp Hòa Phát LUXH3615 (PTHĐSN - 4/2025)	BANHOP_01		2025	Khoa Lao	1	10.000.000	8.750.000	8.750.000	
184	Điều hòa 1 chiều 2.0HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA17	2022	2023	Khoa Lao	1	19.818.000	12.386.250	12.386.250	
185	Điều hòa 1 chiều 2.0HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA18	2021	2023	Khoa Lao	1	19.818.000	12.386.250	12.386.250	
186	Điều hòa 1 chiều 2.0HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA19	2021	2023	Khoa Lao	1	19.818.000	12.386.250	12.386.250	
187	Điều hòa 1 chiều 2.0HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA20	2021	2023	Khoa Lao	1	19.818.000	12.386.250	12.386.250	
188	Hệ thống chuông gọi nhân viên không dây gồm 1 màn hình và 25 nút chuông (DVKCB, 10/2024)	CHUONGBAONVYT_04		2024	Khoa Lao	1	21.175.000	15.881.250	15.881.250	
189	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_135	2025	2025	Khoa Xét nghiệm	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
190	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_136	2025	2025	Khoa Xét nghiệm	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
191	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_137	2025	2025	Khoa Xét nghiệm	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
192	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_126	2023	2024	Khoa Xét nghiệm	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
193	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_127	2023	2024	Khoa Xét nghiệm	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
194	Máy vi tính FPT Elead T12400i (Quỹ PTHĐSN)	VITINH100	2022	2023	Khoa Xét nghiệm	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
195	Bàn họp Hòa Phát LUXH3615 (PTHĐSN - 4/2025)	BANHOP_02		2025	Khoa Xét nghiệm	1	10.000.000	8.750.000	8.750.000	
196	Điều hòa 1 chiều 2.0HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA21	2021	2023	Khoa Xét nghiệm	1	19.818.000	12.386.250	12.386.250	
197	Điều hòa 1 chiều 2.0HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA25	2021	2023	Khoa Xét nghiệm	1	19.818.000	12.386.250	12.386.250	
198	Điều hòa nhiệt độ 17.742 BTU/h (5,20 kw) MITSUBISHI ELECTRIC (QTC-2024)	DIEUHOA_29	2023	2024	Khoa Xét nghiệm	1	13.500.000	10.125.000	10.125.000	
199	Điều hòa nhiệt độ MITSUBISHI ELECTRIC 17742BTU/h (QTC)	DIEUHOA28	2023	2023	Khoa Xét nghiệm	1	13.500.000	8.437.500	8.437.500	
200	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH114	2023	2023	Khoa XQuang	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
201	Máy vi tính FPT Elead T12400i (Quỹ PTHĐSN)	VITINH103	2022	2023	Khoa XQuang	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
202	CPU Máy tính để bàn đồng bộ Dell Inspiron 3030 Tower, Số seri: 3Y8YQ54 (NSNN-KTC; 09/2025)	CPU01	2024	2025	Khoa XQuang	1	25.500.000	20.400.000	20.400.000	
203	Điều hòa 1 chiều 2.5HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA26	2022	2023	Khoa XQuang	1	26.784.000	16.740.000	16.740.000	
204	Điều hòa 1 chiều 2.5HP Panasonic (SYT)	DIEUHOA27	2021	2023	Khoa XQuang	1	26.784.000	16.740.000	16.740.000	
205	Màn hình chuyên dụng chẩn đoán hình ảnh 21HQ513D-S LG (NSNN - KTC-12/2025)	MANHINH01	2025	2025	Khoa XQuang	1	110.000.000	88.000.000	88.000.000	
206	Hệ thống chuông báo gọi nhân viên y tế (01 Màn hình FY -3003, 10 nút chuông FY-100) - (DV KCB)	CHUONGBAONVYT01	2019	2019	Phòng Cấp cứu	1	11.000.000	1.375.000	1.375.000	
207	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_140	2025	2025	Phòng Kế hoạch tổng hợp	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
208	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_116	2023	2024	Phòng Kế hoạch tổng hợp	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
209	Máy vi tính để bàn eMaster (Màn hình Viewsonic) (NHNN)	VITINH89	2022	2022	Phòng Kế hoạch tổng hợp	1	10.750.000	2.150.000	2.150.000	
210	Máy vi tính để bàn eMaster (Màn hình Viewsonic) (NHNN)	VITINH90	2022	2022	Phòng Kế hoạch tổng hợp	1	10.750.000	2.150.000	2.150.000	
211	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_148	2025	2025	Phòng Nội soi	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
212	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH105	2023	2023	Phòng Phó Giám đốc (BS Cường)	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
213	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_115	2023	2024	Phòng Phó Giám đốc (BS Thanh)	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
214	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_131	2023	2024	Phòng Tài chính - Kế toán	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
215	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH106	2023	2023	Phòng Tài chính - Kế toán	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
216	Máy vi tính để bàn CMS X-Media XQ5P-F86 (NSNN-KTC)	VITINH107	2023	2023	Phòng Tài chính - Kế toán	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
217	Máy lạnh Reetech 2HP (DV KCB)	DIEUHOA9	2019	2019	Phòng Tài chính - Kế toán	1	12.692.350	1.586.542	1.586.542	
218	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_145	2025	2025	Phòng thu viện phí	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
219	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_146	2025	2025	Phòng thu viện phí	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
220	Nhà kho	NHAKHO		2016	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	212.268.000	127.769.920	127.769.920	
221	Gara ô tô	GARA_OTO		2016	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	73.000.000	23.626.792	23.626.792	
222	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_141	2025	2025	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
223	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86 (NSNN-KTC; 7/2025)	VITINH_153	2025	2025	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	14.800.000	11.840.000	11.840.000	
224	Máy vi tính CMS X-Media XQ5P-B86.SBD (NSNN-KTC; 10/2024)	VITIINH_134	2023	2024	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	14.850.000	8.910.000	8.910.000	
225	Máy vi tính FPT Elead T12400i (Quỹ PTHĐSN)	VITINH101	2022	2023	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	15.000.000	6.000.000	6.000.000	
226	Máy vi tính xách tay Dell Inspiron 3520, Seri 1XVTS44 (NSNN-KTC; 09/2025)	LAPTOP14	2024	2025	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	14.200.000	11.360.000	11.360.000	
227	Máy lọc nước RO nóng nguội lạnh tủ đứng Hydro-ion kiềm Karofi KEA-S688 12 lõi Iem (Nguồn HTBL - 12/2025)	MAYLOCNUOC.01	2025	2025	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	15.037.000	13.157.375	13.157.375	

STT	Tên tài sản cố định	Mã TSCĐ	Năm sản xuất	Năm sử dụng	Nơi sử dụng	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị mua bảo hiểm	Ghi chú
228	Tổ máy phát điện có trục và động cơ đốt trong HUSPANDA (Nguồn HTBL - 12/2025)	PHATDIEN01	2025	2025	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	12.300.000	10.762.500	10.762.500	
229	Tổ máy phát điện có trục và động cơ đốt trong HUSPANDA (Nguồn HTBL - 12/2025)	PHATDIEN02	2025	2025	Phòng Tổ chức - Hành chính	1	12.300.000	10.762.500	10.762.500	
	Cộng					**229**	**86.108.789.928**	**41.324.457.172**	**41.324.457.172**	

